

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
**PHÀ AN GIANG**

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban tổ chức đầu giá bán cổ phần lần đầu ra công chứng Công ty TNHH MTV Phà An Giang khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đầu giá.



**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**  
Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Q.1, TP. HCM



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG**  
**ĐÔNG Á**  
Địa chỉ: Tầng 2 và 3, tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2,  
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

*An Giang, tháng 8 năm 2020*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ.....</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẦU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>6</b>
<b>PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>7</b>
<b>I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>7</b>
1. Giới thiệu về Doanh nghiệp .....	7
2. Ngành nghề kinh doanh chính.....	7
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	9
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý .....	9
5. Danh sách công ty con, công ty liên doanh liên kết, các khoản đầu tư tài chính khác ...	11
<b>II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>11</b>
1. Tình hình hoạt động kinh doanh.....	11
2. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	16
3. Các hợp đồng lớn .....	17
4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa .....	17
5. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	20
<b>III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>20</b>
1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	20
2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	25
3. Diện tích đất đai đang quản lý và phương án sử dụng nhà, đất sau cổ phần hóa.....	26
4. Thực trạng về lao động.....	28
5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý.....	29
<b>PHẦN V: PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA .....</b>	<b>30</b>
<b>I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN .....</b>	<b>30</b>
<b>II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG .....</b>	<b>30</b>
1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ .....	30
2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến.....	31
3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty .....	31
4. Định hướng phát triển sau cổ phần hóa.....	34
5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa .....	35



<b>PHẦN VI THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>38</b>
<b>I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN.....</b>	<b>38</b>
1. Đối tượng mua cổ phần .....	38
2. Phương thức chào bán .....	38
<b>II. LOẠI CỔ PHẦN VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>40</b>
1. Loại cổ phần .....	40
2. Phương thức phát hành.....	40
<b>III. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA VÀ CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>40</b>
1. Chi phí cổ phần hóa.....	40
2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa: .....	41
<b>IV. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN .....</b>	<b>42</b>
<b>V. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN .....</b>	<b>43</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	43
2. Rủi ro về luật pháp .....	44
3. Rủi ro đặc thù .....	45
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	46
5. Rủi ro khác .....	46
<b>VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẮN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....</b>	<b>47</b>
1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	47
2. Đại diện Doanh nghiệp cổ phần hóa .....	47
3. Đại diện đơn vị tư vấn - Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á .....	47

## **PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 15/09/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của Doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BLĐTBXH ngày 01/08/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng phương án sử dụng lao động và thực hiện chính sách đối với người lao động khi cổ phần hóa quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 23/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang giai đoạn 2020 - 2024;

Căn cứ Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần Công ty TNHH MTV Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt vốn điều lệ sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;

Căn cứ Công văn số 344/UBND-KTTH ngày 24/04/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chọn tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Phà An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang.



**PHẦN II:**  
**CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ**  
**BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

**I. ĐƠN VỊ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Địa chỉ : 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại : (028) 3821 7713 Fax: (028) 3821 7452
- Website : [www.hsx.vn](http://www.hsx.vn)

**II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN**

**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**

- Địa chỉ : Số 360 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0296.3846379 - 3841919 Fax: 0296.3842723
- Website : [ctyphaangiang.com](http://ctyphaangiang.com)

**III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

- Trụ sở chính : Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Điện thoại : 024 3783 2121 Fax: 024 3783 2122
- Website : [cpavietnam.vn](http://cpavietnam.vn)

**IV. ĐƠN VỊ TƯ VẤN CỔ PHẦN HÓA**

**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**

- Trụ sở chính : Tầng 2 và tầng 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, P.2, Q.3, Tp.HCM
- Điện thoại : (028) 3833.6333 Fax: (028) 3835.1919
- Website : [www.dag.vn](http://www.dag.vn)

**PHẦN III:  
CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT**

<b>CHỮ VIẾT TẮT</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA</b>
▪ Công ty	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phà An Giang
▪ PHÀ AN GIANG	Tên viết tắt của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Phà An Giang
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
▪ DT	Doanh thu
▪ ĐTXD	Đầu tư xây dựng
▪ XDGTĐN	Xác định Giá trị doanh nghiệp
▪ SXKD	Sản xuất kinh doanh
▪ TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
▪ TP	Thành phố
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ UBND	Ủy ban nhân dân

## PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

### I. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

#### 1. Giới thiệu về Doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG**

- Tên tiếng Anh: **AN GIANG FERRY ONE MEMBER COMPANY LIMITED**

- Tên viết tắt: **PHÀ AN GIANG**

- Logo:



- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 360 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang**

- Điện thoại: **0296.3846379 - 3841919**

Fax: **02963842723**

- Mã số thuế: **1600110119**

- Email: **congtypaangiang@gmail.com**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **Số 1600110119 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018.**

#### 2. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600110119 đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 08/10/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</p> <p><i>Chi tiết:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</i></li> <li>- <i>Tổ chức cứu hộ các phương tiện giao thông thủy</i></li> <li>- <i>Lắp đặt hệ động lực các phương tiện vận tải thủy</i></li> </ul>	5222
2	<p>Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ</p> <p><i>Chi tiết: Thi công, xây dựng công trình giao thông (cầu, đường,</i></p>	4210



STT	Tên ngành	Mã ngành
	<i>cổng, ...)</i>	
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ <i>Chi tiết: Vận tải hàng hóa và phương tiện giao thông đường bộ</i>	4933
4	Đóng tàu và cầu kiện nổi <i>Chi tiết:</i> - Đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy - Gia công lắp ráp, sửa chữa ponton, cầu sắt	3011
5	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
6	Giáo dục nghề nghiệp <i>Chi tiết: Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động)</i>	8532
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Chi tiết: Nạo vét luồng lạch lòng sông, bến bãi</i>	4390
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết: Thu phí cầu đường</i>	5221
9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu, nhớt</i>	4661
10	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, xe cơ giới, thiết bị thi công (công trình cơ khí)</i>	7730
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng</i>	6810
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết: Mua bán sắt, thép, thép đóng tàu</i>	4662
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Mua bán phế liệu sắt, thép</i>	4669
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Mua bán sơn các loại</i>	4663

### 3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Phà An Giang bao gồm các hoạt động sau:

- Vận tải hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ.
- Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (tuân thủ quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).
- Mua bán xăng, dầu, nhớt.

*Một số hình ảnh về hoạt động kinh doanh của Công ty:*



### 4. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Hiện tại, cơ cấu tổ chức của Công ty Phà An Giang (thực hiện theo Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 22/05/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt

Đề án cơ cấu lại Công ty), bộ máy tổ chức của Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang được thể hiện theo sơ đồ dưới đây:

### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÀ AN GIANG





## 5. Danh sách công ty con, công ty liên doanh liên kết, các khoản đầu tư tài chính khác

### 5.1 Danh sách công ty con

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2018), Công ty có 01 Công ty con là Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang.

- Địa chỉ: Số 360 đường Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

- Hoạt động kinh doanh chính: hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, đóng tàu và cầu kiện nổi, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ,...

- Vốn điều lệ: 35.068.500.000 đồng

- Giá trị góp vốn của Phà An Giang: 25.000.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu là 71,29% vốn điều lệ.

- Giá trị khoản góp vốn sau khi trích lập dự phòng là: 15.318.259.635 đồng.

- Tình hình khoản đầu tư: Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang đã được giải thể theo Nghị quyết số 20/NQ-ADI ngày 10/05/2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang. Giá trị khoản góp vốn của Phà An Giang vào công ty con được đánh giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 18.225.795.000 đồng.

Tính đến 31/12/2019, Công ty không còn ghi nhận khoản góp vốn vào công ty con nữa.

### 5.2 Danh sách công ty liên doanh, liên kết

- Không có.

### 5.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

- Không có.

## II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### 1.1 Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty TNHH MTV Phà An Giang trong các năm trước cổ phần hóa (giai đoạn 2016-2019):

TT	Doanh thu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	DT hoạt động	175.386	96,04	182.055	97,08	200.401	97,78	190.402	96,95
a	Vận chuyển phà	163.085	89,31	164.440	87,68	179.908	87,78	173.081	88,13

TT	Doanh thu	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
b	Cửa hàng Xăng – Dầu	11.552	6,33	17.144	9,14	20.273	9,89	17.011	8,66
c	Hoạt động đào tạo	749	0,41	471	0,25	220	0,11	310	0,16
2	DT hoạt động tài chính	6.497	3,56	4.537	2,42	2.672	1,30	2.930	1,49
3	DT khác	730	0,4	945	0,50	1.873	0,91	3.051	1,55
	<b>Tổng cộng</b>	<b>182.613</b>	<b>100,00</b>	<b>187.537</b>	<b>100,00</b>	<b>204.946</b>	<b>100,00</b>	<b>196.383</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: PHẢ AN GIANG

Cơ cấu lợi nhuận gộp các năm trước cổ phần hóa:

STT	Đơn vị	Lợi nhuận gộp (triệu đồng)			
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Bến An Hòa	18.778	16.461	20.508	14.792
2	Bến Trà Ôn	4.281	2.304	2.610	3.596
3	Bến Ô Môi	(1.959)	(2.724)	(1.942)	(2.010)
4	Bến Năng Gù	(1.955)	(2.897)	(3.346)	(1.551)
5	Bến Châu Giang	8.997	10.210	10.763	10.412
6	Bến Khánh Bình	(930)	(727)	-	-
7	Bến Phụ Châu Giang	-	(645)	(624)	(981)
8	Bến Tân An	2.677	1.637	1.175	(67)
9	Bến Tân Châu	(2.894)	(8.189)	(9.857)	(10.263)
10	Bến Thuận Giang	1.926	674	(449)	(232)
11	Bến Mương Ranh	(5.513)	(5.087)	(5.077)	(3.669)
12	Cửa hàng Xăng dầu	(968)	(258)	(510)	(1.003)
13	Liên kết đào tạo	601	348	133	172
14	Xí nghiệp Cơ khí Giao thông	-	(36)	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23.041</b>	<b>11.071</b>	<b>13.384</b>	<b>9.195</b>

Nguồn: PHẢ AN GIANG



Doanh thu chính của Công ty là hoạt động vận chuyển phà chiếm từ 87,68% - 89,31% tổng doanh thu, tiếp đến là doanh thu từ cửa hàng xăng dầu chiếm từ 6,33% - 9,89% tổng doanh thu, hoạt động tài chính chiếm từ 1,30% - 3,56% tổng doanh thu và các hoạt động còn lại đóng góp tỷ trọng không đáng kể.

## 1.2 Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm 2016 đến 2019:

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu	Giá trị (Triệu đồng)	% Tổng doanh thu
Giá vốn hàng bán	152.346	83,43%	170.985	91,17%	187.019	91,25%	181.206	92,27%
Chi phí tài chính	2.466	1,35%	-1.197	-0,64%	-881	-0,43%	-2.613	-1,33%
Chi phí bán hàng	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.892	8,15%	14.895	7,94%	15.880	7,75%	15.977	8,14%
Chi phí khác	140	0,08%	31	0,02%	291	0,14%	493	0,25%
<b>Tổng cộng</b>	<b>169.844</b>	<b>93,01%</b>	<b>184.714</b>	<b>98,49%</b>	<b>202.308</b>	<b>98,71%</b>	<b>195.063</b>	<b>99,33%</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính 2017 – 2019 của PHÀ AN GIANG đã được kiểm toán*

Về cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Phà An Giang, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu dao động từ 83,43% - 92,27%, tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm từ 7,75% - 8,15% tổng doanh thu. Các khoản mục chi phí còn lại chiếm tỷ trọng thấp hoặc không đáng kể. Trong năm 2017, 2018 và 2019, Công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với giá trị lần lượt là 1.554 triệu đồng, 1.126 triệu đồng và 9.682 triệu đồng nên dẫn đến chi phí tài chính năm 2017, 2018 và 2019 bị âm. Nhìn chung, tổng chi phí của Công ty so với tổng doanh thu khá cao.

## 1.3 Nguyên vật liệu

### ❖ Nguồn nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu chủ yếu cho hoạt động của Công ty là: Xăng dầu (phần lớn dầu Diesel), vật tư thiết bị,...

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty:

STT	Danh sách nhà cung cấp chính	Nguồn nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông (PetroMekong)	Xăng RON 95-III; Xăng E5



STT	Danh sách nhà cung cấp chính	Nguồn nguyên vật liệu cung cấp
	- Chi nhánh An Giang	RON 92-II; DO 0.05S-II
2	Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Song Long	Máy, hộp số và phụ tùng
3	Công TNHH Tân Nam Đô	Que hàn
4	Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	Máy và phụ tùng máy
5	Công ty TNHH TM & DV HTT Phi Long	Thiết bị lái thủy lực
6	Hộ kinh doanh Liên Sanh	Chân vịt
7	Công ty TNHH MTV Cơ khí Thao Nhân	Chân vịt
8	Doanh nghiệp tư nhân Tuyết Mai	Thép các loại
9	Công ty TNHH TM Thép Nam Việt	Thép các loại
10	Công ty TNHH tư vấn TM & DV Đại An	Thép các loại
11	Công ty TNHH TM & DV Đức Thành	Thép các loại
12	Công ty TNHH TM & DV Phước Thành	Thép các loại
13	Công ty CP Cơ khí An Giang	Thép các loại
14	Công ty TNHH MTV Xăng dầu An Giang	Nhớt, Gas
15	Công TNHH Thiết bị Nông nghiệp Minh Phước Thịnh	Nhớt
16	Cửa hàng Lý Biểu	Thiết bị điện
17	Công ty TNHH Phú Quý	Thiết bị điện
18	Công ty Cổ phần ĐT TM & XNK Long Giang	Thiết bị điện
19	Công ty TNHH TM TB Việt Long	Bulonse

❖ **Sự ổn định của Nguồn nguyên vật liệu đầu vào:**

Chi phí nhiên liệu, vật tư chiếm tỷ trọng khá cao so với tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí nhiên liệu hoạt động phà trong năm 2018 là 43,2 tỷ đồng và khoản chi phí này của năm 2019 là 37,6 tỷ đồng (so với năm 2018 đã giảm 12,96%, tương đương giảm 5,6 tỷ đồng). Tình hình giá nhiên liệu để vận hành phà tăng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hỗ trợ cho khai thác vận hành phà, năm 2015 Công ty đã thành lập 01 Cửa hàng Xăng dầu nhằm trực tiếp cung cấp nhiên liệu cho phà hoạt động đồng thời thực hiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu cho khách. Hoạt động của Cửa hàng xăng dầu đã đóng góp rất tích cực vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

Nhìn chung, nguồn nhiên liệu và vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty là tương đối ổn định và Công ty chủ động được nguồn nhiên liệu, vật tư thiết bị trong hoạt động kinh doanh.

#### **1.4 Trình độ công nghệ**

Cùng với sự phát triển của Công ty, các giải pháp kỹ thuật cũng được nghiên cứu để phù hợp hơn trong hoạt động như: cải tiến hệ thống thủy lực nâng hạ cầu phà và chuyển hệ thống lái cơ sang hệ thống lái thủy lực để giảm sức lao động và đảm bảo chính xác an toàn trong vận hành phà, hệ thống căng xích neo ponton để giảm biên dao động khi phà cập bến đã giúp ponton có thể tiếp nhận được phà 200 tấn an toàn mà không làm hư hỏng gối đỡ cầu di động...

Căn cứ trên các tiêu chí an toàn hoạt động vận hành phà trong các văn bản pháp luật liên quan và điều kiện thực tiễn của đơn vị, Công ty đã xây dựng ban hành Quy định quản lý hoạt động vận tải phà nhằm chuẩn hóa và đồng bộ các quá trình hoạt động trong vận hành khai thác phục vụ hành khách an toàn, nhanh chóng, hiệu quả và văn minh.

#### **1.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Hiện nay, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải phà nên Công ty sẽ tiếp tục chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ hành khách qua việc xây dựng Quy tắc ứng xử trong hoạt động vận hành phà. Công ty sẽ đầu tư nâng cấp các bến phà hiện hữu từ bãi chuỗi thành bến có ponton – cầu dẫn để an toàn trong hoạt động, triển khai đóng mới và nâng cấp phương tiện phà để đảm bảo năng lực phục vụ ứng với sự phát triển thêm các bến phà theo sông Hậu và sông Tiền và tốc độ tăng sản lượng hành khách qua phà trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ thực hiện đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thiết bị của Xí nghiệp Cơ khí để đóng mới, sửa chữa nâng cấp các phương tiện và hệ thống ponton cầu dẫn theo hướng tăng dần tải trọng khai thác. Cơ cấu lại giá vé theo hướng sáp nhập và đơn giản hóa các chủng loại vé để thuận tiện trong công tác bán, soát vé và quản lý sản lượng, doanh thu.

#### **1.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ, quy chuẩn an toàn vận tải đường thủy nội địa**

Cùng với hệ thống quản lý chất lượng chính của Công ty là Quy định về quản lý hoạt động vận tải phà thì Công ty đang sử dụng hệ thống camera giám sát để kiểm tra các hoạt động của từng công đoạn phục vụ hành khách tại các đơn vị trực thuộc. Hiện nay, Công ty đang triển khai ứng dụng phần mềm để kiểm soát sản lượng qua phà tại các bến chủ đạo, trong thời gian tới sẽ áp dụng cho toàn bộ các bến phà trực thuộc. Mặt khác, sắp tới Công ty sẽ triển khai Dự án soát vé tự động để tiết kiệm nhân lực và tăng tính hiệu quả trong hoạt động thu phí.

Đối với các quy chuẩn an toàn trong hoạt động vận hành, hiện nay Công ty đã xây dựng lồng ghép vào trong quy định về Quản lý hoạt động vận tải phà, tuy nhiên với sự phát triển của công nghệ đã và đang áp dụng tại Công ty, trong thời gian tới Công ty sẽ cải tiến các quy chuẩn phù hợp dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật và tính đặc thù của hệ thống nhằm tăng tính an toàn trong vận hành, khai thác.



### 1.7 *Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền*

**Biểu tượng Công ty:** Hiện tại, Công ty Phà An Giang đang sử dụng logo bên dưới làm biểu tượng cho chất lượng và thương hiệu của Công ty và chưa đăng ký bảo hộ tại Việt Nam. Do đó, sau khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty sẽ thực hiện thiết kế mẫu logo mới phù hợp với hoạt động và đặc trưng của Công ty.



## 2. *Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành*

### 2.1 *Vị thế của Công ty trong ngành*

An Giang là tỉnh cửa ngõ của sông Mêkong đổ vào Việt Nam, cùng với các tuyến sông rạch, kênh mương nội đồng liên vùng Tứ giác Long Xuyên và nhiều tuyến kênh thoát lũ thau chua, rửa phèn ra biển Tây đã khẳng định vị thế quan trọng về giao thông đường thủy nội địa của tỉnh An Giang trong vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long.

Công ty TNHH MTV Phà An Giang được thành lập từ năm 1997 trên cơ sở sáp nhập 04 Xí nghiệp phà gồm: An Hòa, Năng Gù, Châu Giang, Cồn Tiên. Công ty TNHH MTV Phà An Giang là Doanh nghiệp nhà nước, với nhiệm vụ chính yếu là vận tải hành khách, hàng hóa và phương tiện giao thông đường bộ ngang sông. Hiện Công ty đang quản lý khai thác 08 bến phà với tổng số phương tiện phà là 53 (có trọng tải từ 30T đến 200T). Ban đầu, năng lực hoạt động chỉ có 21 phương tiện phà với tổng trọng tải là 730 tấn. Đến nay, có 53 phương tiện với tổng trọng tải trên 2.600 tấn. Với phương châm từng bước xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với yêu cầu của xã hội đặt ra là phát triển bền vững, không ngừng củng cố và cải tiến phương thức hoạt động bằng cách áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất để tăng cường khả năng quản lý.

### 2.2 *Triển vọng của ngành*

Tỉnh An Giang có cửa khẩu quốc tế đường sông Vĩnh Xương (sông Tiền, thị xã Tân Châu) với lưu lượng hàng hóa vận chuyển hàng triệu tấn/năm, một cửa khẩu đường thủy khác đang được phát huy lợi thế lớn là cửa khẩu quốc gia Vĩnh Hội Đông (sông Hậu, huyện An Phú), một cảng biển Mỹ Thới (TP. Long Xuyên) là cảng nước sâu với năng lực bốc xếp và sử dụng cầu cảng 2.000 máng/ca; một cảng sông nước sâu tại Khu công nghiệp Bình Long (huyện Châu Phú) và hai bến thủy hàng hóa. Bên cạnh đó là hệ thống bến phà, đò ngang có mặt khắp các huyện, thị, thành phố, trong đó có các bến phà lớn, một bến tàu



khách...

Hệ thống giao thông đường thủy ở An Giang rất đa dạng, thuận lợi cho vận tải đường thủy, nhất là đường thủy nội địa, nối liền với các tỉnh, thành phố trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với Tp. Hồ Chí Minh, hướng ra biển Tây và Campuchia.

Mặc dù việc đưa vào sử dụng hàng loạt cây cầu lớn như Cầu Vàm Cống, Cầu Cao Lãnh,... đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của một số bến phà do Công ty quản lý, vận hành nhưng với đặc thù vị trí địa lý, hệ thống giao thông thủy trên hai tuyến sông Tiền, sông Hậu thì vận tải đường thủy nội địa vẫn chiếm ưu thế và chủ yếu tại địa bàn tỉnh và hành lang vận tải vùng.

### 2.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Là tỉnh có hệ thống sông ngòi, kênh mương nhiều, giao thông thủy là tuyến giao thông không thể tách rời trong hoạt động của người dân An Giang. Với định hướng xây dựng Nông thôn mới, tỉnh An Giang đã ban hành Quy hoạch hệ thống giao thông thủy, bộ đến năm 2020 đã giúp kết nối giao thương hai bờ sông Tiền và sông Hậu bằng các bến khách ngang sông. Trong quá trình phát triển của tỉnh, sự thay đổi trong giao thông là cần thiết, các bến nhỏ có sức chở 5 – 10 tấn đã không còn phù hợp, do đó cần phải chuyển thành các bến phà có thể tiếp nhận phà từ 30 tấn – 45 tấn (loại phà 2 lưới) để có thể đáp ứng vận chuyển an toàn hàng hóa và phương tiện qua sông phục vụ hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và đây chính là nguồn phát triển đầy triển vọng của Công ty trong thời gian tới.

## 3. Các hợp đồng lớn

Công ty TNHH MTV Phà An Giang thực hiện mục tiêu chủ yếu là cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước giao kế hoạch hàng năm, với ngành nghề kinh doanh chính là vận chuyển hành khách, hàng hóa và các phương tiện giao thông đường bộ ngang sông, đảm bảo giao thông được an toàn, thông suốt góp phần ổn định an sinh xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, Công ty không phát sinh các Hợp đồng cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác.

## 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm trước khi cổ phần hóa

Số liệu chi tiết được tóm tắt ở bảng dưới:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản	380.738	384.271	390.781	376.976

CHỈ TIÊU	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
- Tài sản ngắn hạn	164.606	94.314	75.072	56.866
- Tài sản dài hạn	216.132	289.957	315.709	320.110
Vốn Chủ sở hữu	360.139	360.224	359.784	360.748
- Vốn chủ sở hữu	360.139	360.224	359.784	360.748
- Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
Nợ phải trả	20.598	24.048	30.998	16.228
- Nợ ngắn hạn	13.602	18.772	25.053	9.564
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
- Nợ dài hạn	6.996	5.276	5.945	6.664
<i>Trong đó: nợ quá hạn</i>	-	-	-	-
Nợ phải thu	36.180	20.304	1.969	3.348
- Phải thu ngắn hạn	36.180	20.304	1.969	3.348
<i>Trong đó: nợ khó đòi</i>	-	-	74	74
- Phải thu dài hạn	-	-	-	-
<i>Trong đó: nợ khó đòi</i>				
<b>Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Doanh thu thuần và các khoản thu nhập	182.613	187.536	204.946	196.382
Tổng chi phí	169.845	185.182	202.308	195.064
Tổng tài sản	380.738	384.271	390.781	376.976
Lợi nhuận trước thuế	12.768	2.354	2.638	1.318
Lợi nhuận sau thuế	10.191	1.879	2.111	1.046
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	2,83%	0,52%	0,59%	0,28%
<b>Chỉ tiêu khác</b>				
Tổng số lao động (người)	595	630	588	529
Thu nhập bình quân của người lao động/tháng (triệu đồng)	8,0	8,0	8,6	8,6

Nguồn: PHÀ AN GIANG



*Một số chỉ số tài chính của Công ty ba năm trước cổ phần hóa:*

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	12,10	5,02	3,00	5,95
- Hệ số thanh toán nhanh	11,34	4,37	2,46	4,55
- Hệ số thanh toán bằng tiền	8,66	3,29	1,83	2,11
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,05	0,06	0,08	0,04
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,07	0,09	0,04
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho	16,82	16,21	16,38	16,06
- Vòng quay tổng tài sản	0,46	0,48	0,53	0,51
- Vòng quay tài sản cố định	1,12	1,46	1,97	2,34
- Vòng quay các khoản phải thu	3,09	6,42	18,41	74,03
- Vòng quay các khoản phải trả	8,13	8,15	7,23	8,13
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	5,58%	1,00%	1,03%	0,53%
- Hệ số lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần (ROS)	12,62%	5,90%	6,53%	4,68%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,67%	1,02%	0,53%	(0,63%)
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	2,83%	0,52%	0,59%	0,29%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	2,68%	0,49%	0,54%	0,27%

*Nguồn: Tổng hợp trên số liệu BCTC kiểm toán giai đoạn 2016 – 2019<sup>1</sup> của Phà An Giang*

<sup>1</sup> Ghi chú: Riêng năm 2018, số liệu tài sản và nguồn vốn tại 31/12/2018 được lấy từ Báo cáo tài chính sau khi xử lý tài chính trước khi thực hiện XDGTĐN của Phà An Giang.



## **5. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

### **5.1 Thuận lợi**

- Sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, sự hỗ trợ của các sở ngành trong quá trình hoạt động của Công ty;

- Sự nỗ lực, đóng góp của toàn thể người lao động Công ty. Nhân sự phục vụ ngành phà có thâm niên, tay nghề cao, có truyền thống gắn bó với nghề nghiệp, tận tâm tận lực trong công tác;

- Ngành nghề hoạt động chủ yếu là phục vụ nhu cầu đi lại của người dân ở địa phương nên sản lượng thực hiện hàng năm ổn định và tăng trưởng nhẹ;

- Sự phục hồi của nền kinh tế và những chủ trương xúc tiến thương mại phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long tạo thuận lợi trong việc cung cấp dịch vụ của Công ty.

### **5.2 Khó khăn**

- Với đặc điểm ngành nghề, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm không cao, nên không đột phá về tăng trưởng, bên cạnh đó sự cạnh tranh của các bến phà tư nhân làm giảm sản lượng, doanh thu đáng kể;

- Một số bến phà hiện tại có mặt bằng bến bãi hạn chế như: Bến Trà Ôn, Tân Châu, Châu Giang, mặc dù các đơn vị đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành nhưng vào những giờ cao điểm trong những ngày có lễ hội vẫn có ùn ứ cục bộ cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ;

- Chi phí đầu vào tăng hàng năm, trong khi sản lượng chỉ tăng trưởng nhẹ (chưa kể một số bến không tăng trưởng mà bị sụt giảm do bến đò tư nhân đầu tư mở rộng qui mô), giá dịch vụ phà chưa được điều chỉnh kịp thời so với mặt bằng, chi phí đầu vào tăng dẫn đến kết quả hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng;

- Đối với các bến đặc thù như bến phà Châu Giang, Mương Ranh, Ô Môi hoạt động chủ yếu nhằm phục vụ yêu cầu chính trị - xã hội, đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân nên không có hiệu quả kinh tế;

- Ảnh hưởng của hiện tượng sạt lở, bồi lắng nên hàng năm vào mùa khô hầu hết các bến phà bị vướng cạn gây khó khăn trong quá trình hoạt động;

- Năng lực phương tiện vẫn chưa đáp ứng nhu cầu vận chuyển trong giai đoạn phát triển của địa phương.

## **III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

### **1. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa**

Căn cứ Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh

An Giang về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Phà An Giang:

- Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2018 của Công ty TNHH MTV Phà An Giang là **309.434.244.081 đồng**.

- Trong đó, tổng giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Phà An Giang theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2018 để cổ phần hóa là **278.436.711.523 đồng**.

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang theo phương pháp tài sản tại thời điểm 31/12/2018 thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Giá trị sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)</b>	<b>198.518.167.025</b>	<b>309.434.244.081</b>	<b>110.916.077.056</b>
I	Tài sản và các khoản đầu tư dài hạn	123.445.764.427	233.029.610.738	109.583.846.311
1	Tài sản cố định	53.086.294.075	159.249.483.605	106.163.189.530
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>53.086.294.075</i>	<i>159.249.483.605</i>	<i>106.163.189.530</i>
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	15.318.259.635	18.225.795.000	2.907.535.365
3	Tài sản dở dang dài hạn	52.201.842.073	52.201.842.073	-
4	Chi phí trả trước dài hạn	2.839.368.644	3.352.490.060	513.121.416
II	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	75.072.402.598	75.109.206.342	36.803.744
1	Tiền: + Tiền mặt tồn quỹ + Tiền gửi ngân hàng + Tiền và các khoản tương đương tiền	45.700.457.214 487.865.401 212.591.813 45.000.000.000	45.700.457.813 487.866.000 212.591.813 45.000.000.000	599 599
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.000.000.000	14.000.000.000	
3	Các khoản phải thu	1.968.999.359	2.005.802.504	36.803.145
4	Vật tư hàng hóa tồn kho	11.895.731.043	11.895.731.043	
5	TSLĐ khác	1.507.214.982	1.507.214.982	
III	Giá trị lợi thế kinh doanh	-	1.295.427.001	1.295.427.00
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG, CHỜ BÀN GIAO (I+II)</b>	<b>192.263.413.410</b>	<b>192.263.413.410</b>	
I	TSCĐ và đầu tư dài hạn	192.263.413.410	192.263.413.410	
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>31.194.579.662</i>	<i>31.194.579.662</i>	



STT	Chỉ tiêu	Giá trị sổ sách kế toán sau khi xử lý tài chính	Giá trị xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	161.068.833.748	161.068.833.748	
II	Bất động sản đầu tư	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)</b>		<b>390.781.580.435</b>	<b>501.697.657.491</b>	<b>110.916.077.056</b>
Trong đó:				
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)</b>		<b>198.518.167.025</b>	<b>309.434.244.081</b>	<b>110.916.077.056</b>
E1	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>30.997.532.558</b>	<b>30.997.532.558</b>	-
	Nợ phải trả trên sổ sách kế toán	30.997.532.558	30.997.532.558	-
E2	<b>NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP</b>	-	-	-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [ A - (E1+E2)]</b>		<b>167.520.634.467</b>	<b>278.436.711.523</b>	<b>110.916.077.056</b>

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại thời điểm XDGTĐN ngày 31/12/2018

Căn cứ theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị sổ sách kế toán) bao gồm các hạng mục sau:

❖ Tài sản không cần dùng, chờ bàn giao cho các sở, ngành có liên quan:

a) Đối với tài sản cố định:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 45.383.631.178 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế: 14.189.051.516 đồng.
- Giá trị còn lại: 31.194.579.662 đồng.

b) Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Chi phí đã đầu tư: 161.068.833.748 đồng.
- Giá trị phân bổ: 0 đồng.



- Giá trị còn lại: 161.068.833.748 đồng.

❖ **Tài sản không cần dùng, bàn giao cho Công ty Mua bán nợ Việt Nam:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 3.227.307.156 đồng.

- Giá trị hao mòn lũy kế: 3.227.307.156 đồng.

- Giá trị còn lại: 0 đồng.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang sẽ bàn giao tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa cho các Sở, ngành liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định. Trong khi chưa bàn giao, chờ xử lý, Công ty TNHH MTV Phà An Giang có trách nhiệm tiếp tục bảo quản, không để xảy ra thất thoát tài sản của Nhà nước. Riêng đối cơ sở nhà, đất tại địa chỉ 923 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM sẽ thực hiện chuyển giao sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính.

**Danh sách chi tiết tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị sổ sách kế toán):**

TT	Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Đã khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
1	2	3	4	5 = (3-4)
A	Tài sản không cần dùng (chờ bàn giao UBND tỉnh, UBND Tp.Long Xuyên, UBND huyện, UBND Thị Xã, Sở Giao thông vận tải)	206.452.464.926	14.189.051.516	192.263.413.410
I	Tài sản cố định hữu hình	45.383.631.178	14.189.051.516	31.194.579.662
a	Nhà cửa vật kiến trúc	40.897.757.756	9.887.270.882	31.010.486.874
1	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn	1.268.041.986	859.364.040	408.677.946
2	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn	11.882.700	7.597.521	4.285.179
3	Trạm giao dịch TP.HCM 923 Trần Xuân Soạn	110.129.060	69.217.416	40.911.644
4	Bồi hoàn dân cư cầu Cồn Tiên bờ Thị xã Châu Đốc	20.752.448.354	-	20.752.448.354
5	Nhà chờ khách, nhà trực Phà Ô Mỏi - bờ Mỹ Long	131.060.000	131.060.000	-
6	Bờ kè bờ Mỹ Long - Phà Ô Mỏi	292.475.455	292.475.455	-
7	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	1.594.186.767	710.558.424	883.628.343
8	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	10.813.377.741	4.821.083.325	5.992.294.416
9	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	40.628.455	18.113.298	22.515.157
10	Đường dẫn bờ Hòa Bình - Phà An Hòa	39.373.636	14.665.374	24.708.262
11	Bãi chuôi Bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	83.542.619	83.542.619	-
12	Nhà chờ khách bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	140.466.090	140.466.090	-

TT	Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Đã khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
1	2	3	4	5 = (3-4)
13	Nhà chờ khách bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	9.284.340	9.284.340	-
14	Bãi chuối Bờ Hồng Ngự - Phà Tân Châu	104.502.864	104.502.864	-
15	Mổ trụ cầu bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi	490.888.000	490.888.000	-
16	Xây dựng bờ kè bờ Mỹ Hòa Hưng - Phà Ô Môi	273.798.382	273.798.382	-
17	Nhà chờ khách Bờ Mỹ Hòa Hưng - Ô Môi	42.557.273	42.557.273	-
18	Đường dẫn Bờ Mỹ Hòa Hưng - Ô Môi	412.443.350	412.443.350	-
19	Xây dựng mỏ trụ Bờ Mỹ Long - Ô Môi	496.263.632	496.263.632	-
20	Hệ thống thoát nước bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh	550.761.818	359.525.075	191.236.743
21	Mặt bến, cổng ngang đường bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh (cổng ngang đường)	185.513.773	121.099.269	64.414.504
22	Đường dẫn bờ Chợ Mới - Phà Mương Ranh	584.679.728	428.765.135	155.914.593
23	Đường xuống phà bờ Phú Tân - Phà Thuận Giang	1.475.743.055	-	1.475.743.055
24	Đường xuống phà bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	993.708.678	-	993.708.678
<b>b</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>4.485.873.422</b>	<b>4.301.780.634</b>	<b>184.092.788</b>
1	Vĩ quá độ Bờ Mỹ Hòa Hưng - phà Ô Môi	36.423.698	36.423.698	-
2	Làm mới ống thả neo bờ MHH- phà Ô Môi	240.994.195	56.901.407	184.092.788
3	Trụ neo 2 bờ -Phà Tân An	86.535.986	86.535.986	-
4	Trụ chống va + Vĩ quá độ bờ Mỹ Long - phà Ô Môi	224.466.635	224.466.635	-
5	Trụ chống va + Vĩ quá độ bờ Mỹ Long - phà Ô Môi	36.423.698	36.423.698	-
6	Ponton AG 13715 (V67 - 13197) - bờ Mỹ Long	1.930.514.605	1.930.514.605	-
7	Ponton AG 13716 (V67 - 13198) - bờ Mỹ Hòa Hưng	1.930.514.605	1.930.514.605	-
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>161.068.833.748</b>	<b>-</b>	<b>161.068.833.748</b>
1	Đường tỉnh lộ 944	161.068.833.748	-	161.068.833.748
<b>B</b>	<b>Tài sản không cần dùng (Bản giao cho Công ty Mua Bán nợ Việt Nam)</b>	<b>3.227.307.156</b>	<b>3.227.307.156</b>	<b>-</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>3.227.307.156</b>	<b>3.227.307.156</b>	<b>-</b>
<b>a</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>111.642.646</b>	<b>111.642.646</b>	<b>-</b>
1	Cần xe tải xách tay RW10S Phà TG	43.000.000	43.000.000	-
2	Trạm biến áp bến T.Giang PX II	68.642.646	68.642.646	-



TT	Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Đã khấu hao (VND)	Giá trị còn lại (VND)
1	2	3	4	5 = (3-4)
<i>b</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>3.115.664.510</i>	<i>3.115.664.510</i>	-
1	Tàu kéo (AG - 10437)	428.136.659	428.136.659	-
2	Phà A 25 - KG 01684	-	-	-
3	Cầu dẫn + Lễ bộ hành bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	567.196.772	567.196.772	-
4	Liên gia cường và VQĐ Bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	113.376.460	113.376.460	-
5	Thay 40 hộp sàn Bờ Chợ Mới - Phà Thuận Giang	263.407.826	263.407.826	-
6	Cầu dẫn bờ Phú Tân - Phà Thuận Giang	1.374.939.783	1.374.939.783	-
7	Trụ chống va Bờ Long Xuyên - Phà An Hòa	338.437.976	338.437.976	-
8	Trụ chống va Bờ Long Xuyên - Phà An Hòa	30.169.034	30.169.034	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>209.679.772.082</b>	<b>17.416.358.672</b>	<b>192.263.413.410</b>

## 2. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 thể hiện ở bảng sau:

STT	Hạng mục	Số liệu sổ sách kế toán		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	323.530.234.841	236.657.002.076	86.873.232.765
1.1	Nhà cửa, vật kiến trúc	68.238.725.852	25.966.754.853	42.271.970.999
1.2	Máy móc, thiết bị	3.188.358.924	1.740.329.351	1.448.029.573
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	250.721.099.345	207.689.202.506	43.031.896.839
1.4	Thiết bị quản lý	1.382.050.720	1.260.715.366	121.335.354
2	Tài sản cố định vô hình	1.170.239.455	0	1.170.239.455
2.1	Quyền sử dụng đất	1.170.239.455	0	1.170.239.455
	<b>Tổng cộng</b>	<b>324.700.474.296</b>	<b>236.657.002.076</b>	<b>88.043.472.220</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính sau khi xử lý tài chính trước khi thực hiện XDGTĐN tại 31/12/2018



### 3. Diện tích đất đai đang quản lý và phương án sử dụng nhà, đất sau cổ phần hóa

Ngày 27/12/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 3159/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang.

Chi tiết phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang được trình bày theo 02 bảng dưới đây:

**Bảng 1: Chi tiết các khu đất Công ty tiếp tục sử dụng sau cổ phần;**

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m <sup>2</sup> )	DT đất (m <sup>2</sup> )	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	2	3	4	5
1	Văn phòng Công ty TNHH MTV Phà An Giang + XN Phà An Hòa. Số 360, Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, TP Long Xuyên	2.806,30	3.104,00	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
2	Bến phà Phà An Hòa (XN Phà An Hòa - bờ Chợ Mới). Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới	1.511,08	24.766,20	Xây dựng bến phà An Hòa
3	Văn phòng Xi nghiệp Phà Năng Gù. Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	218,52	175,10	Trụ sở làm việc
4	Bến phà Năng Gù (bờ Phú Tân). Xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân.	154,80	5.056,60	Xây dựng bến phà Năng Gù
5	XN Phà Thuận Giang (bờ Chợ Mới). Xã Kiến An, huyện Chợ Mới.	271,60	7.022,50	Xây dựng bến phà Thuận Giang
6	XN Phà Thuận Giang (bờ Phú Tân). Xã Tân Trung (xã Tân Hòa cũ), huyện Phú Tân.	581,80	9.704,80	Xây dựng bến phà Thuận Giang
7	Bến Phà An Hòa dự phòng (bến phà cũ)	208,44	1.126,70	Xây dựng bến phà An Hòa
8	Bến neo đậu và công trình giao thông, bến phà An Hòa. Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới.		45.243,00	Xây dựng bến neo đậu phà và bảo vệ công trình giao thông.
9	Bến phà Trà Ôn. Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên.	87,60	435,90	Xây dựng bến phà Trà Ôn
10	Bến phà Trà Ôn. Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	25,20	257,30	Xây dựng bến phà Trà Ôn
11	Xi nghiệp Phà Mương Ranch. Thị trấn An Châu, huyện Châu Thành.		180,00	Bến phà Mương Ranch
12	Xi nghiệp Phà Mương Ranch (bờ Chợ Mới). Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới.	124,70	1.382,30	Bến phà Mương Ranch
13	Bến phà Năng Gù. Xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú.	5,96	516,20	Xây dựng bến phà Năng Gù
14	Văn phòng Xi nghiệp Phà Châu Giang. Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc.	224,00	114,30	Trụ sở làm việc
15	Bến phà Châu Giang (bờ Châu Đốc). Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc	77,30	658,40	Xây dựng Bến phà Châu Giang
16	Bến phà Châu Giang (bờ Tân Châu). Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.	30,50	826,90	Xây dựng Bến phà Châu Giang

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m <sup>2</sup> )	DT đất (m <sup>2</sup> )	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	2	3	4	5
17	Bến phụ Châu Giang (bờ Châu Đốc). Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc		506,60	Xây dựng Bến phụ Châu Giang
18	Bến phụ Châu Giang (bờ Tân Châu). Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu.		1.122,90	Xây dựng Bến phụ Châu Giang
19	Bến phà Tân Châu. Phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu.		570,30	Xây dựng bến phà Tân Châu
20	Xi nghiệp Phà Tân Châu, Phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu.	281,20	6.021,40	Xây dựng bến phà Tân Châu
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.609,00</b>	<b>108.791,40</b>	

**Bảng 2: Chi tiết các khu đất Công ty không có nhu cầu sử dụng (được điều chuyển, bàn giao lại các đơn vị khác quản lý, sử dụng):**

STT	Địa chỉ nhà đất	DT nhà (m <sup>2</sup> )	DT đất (m <sup>2</sup> )	Phương án sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	2	3	4	5
1	Bến phụ Phà An Hòa (XN Phà An Hòa - bờ Chợ Mới). Xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới		12.937,40	Thu hồi đường dẫn vào bến phụ An Hòa thuộc xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới
2	Bến phà Ô Môi. Xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên.	126,44	265,40	Điều chuyển về UBND TP Long Xuyên quản lý, xử lý
3	Bến phà Năng Gù (bờ Phú Tân). Xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân.		2.142,60	Thu hồi, xử lý
4	XN Phà Thuận Giang (bờ Chợ Mới). Xã Kiến An, huyện Chợ Mới.		16.308,50	Thu hồi
5	XN Phà Thuận Giang (bờ Phú Tân). Xã Tân Trung (xã Tân Hòa cũ), huyện Phú Tân.		17.021,20	Thu hồi
6	Bến phà Tân An. Phường Long Châu, TX Tân Châu.	107,85	131,60	Điều chuyển về UBND thị xã Tân Châu quản lý, xử lý
7	Trạm TP. Hồ Chí Minh. Số 923, Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh.	299,11	119,00	Điều chuyển về Sở Công thương tỉnh An Giang
8	Bến phà Ô Môi. Phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên.	63,20	76,00	Điều chuyển về UBND TP Long Xuyên quản lý, xử lý
9	Xi nghiệp Phà Mương Ranh (bờ Chợ Mới). Xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới.		1.797,10	Thu hồi
	<b>Tổng cộng</b>	<b>596,60</b>	<b>50.798,80</b>	

#### 4. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH MTV Phà An Giang là **588 người** với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>588</b>	<b>100,00%</b>
- Trên đại học	3	0,51%
- Trình độ đại học	88	14,97%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	36	6,12%
- Trình độ khác	454	77,21%
<b>Phân theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>588</b>	<b>100,00%</b>
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	07	1,19%
- Hợp đồng không thời hạn	442	75,17%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	139	23,64%
- Hợp đồng thời vụ	0	0,00%
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>588</b>	<b>100,00%</b>
- Nữ	137	23,30%
- Nam	451	76,70%

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động. Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>503</b>	<b>100,00%</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>503</b>	<b>100,00%</b>
- Trên đại học	5	0,99%
- Trình độ đại học	80	15,91%
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	32	6,36%
- Trình độ khác	386	76,74%
<b>Phân theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>503</b>	<b>100,00%</b>
- Hợp đồng không thời hạn	480	95,43%
- Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	23	4,57%
- Hợp đồng thời vụ	0	0,00%



Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>Phân theo giới tính</b>	<b>503</b>	<b>100,00%</b>
- Nữ	116	23,06%
- Nam	387	76,94%

##### 5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

Theo Biên bản XĐGTDN để cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại thời điểm 31/12/2018, có một số kiến nghị, nhận xét như sau:

- Giá trị đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 944 tạm tính đến thời điểm ngày 30/6/2020 là 179.000.000.000 đồng. Giá trị này sẽ được tiếp tục cập nhật và bàn giao cho các sở ngành liên quan quản lý, khai thác và vận hành sau khi hoàn thành công tác kiểm toán, quyết toán dự án.

- Giá trị đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang với số tiền 25.000.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu vốn là 71,29%. Tại thời điểm ngày 31/12/2018, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang đã được tuyên bố giải thể theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 21/BB-DHĐCĐ ngày 10/05/2019, theo đó các thành viên góp vốn vào công ty sẽ nhận lại phần vốn góp với tỷ lệ 72,9% giá trị phần vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang tại thời điểm thực hiện công bố giải thể. Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang, giá trị khoản đầu tư vào công ty con của Công ty TNHH MTV Phà An Giang đánh giá lại tại thời điểm ngày 31/12/2018 là 18.225.795.000 đồng, chênh lệch giảm 6.774.205.000 đồng, sau khi bù trừ với khoản dự phòng đầu tư tài chính đã hạch toán vào kết quả kinh doanh theo sổ sách kế toán là 9.681.740.365 đồng, giá trị khoản đầu tư vào công ty vào công ty con của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tăng thêm 2.907.535.365 đồng. Tuy nhiên, theo báo cáo tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng An Giang, đơn vị này còn phát sinh các khoản công nợ phải thu khó đòi chưa thể thu hồi. Công ty tiếp tục theo dõi và thu hồi các khoản nợ tồn đọng này. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty ADI sẽ có sự điều chỉnh, và giá trị phần vốn Nhà nước sẽ được điều chỉnh khi Công ty thu hồi được các khoản công nợ khó đòi này.

Ngoài ra, căn cứ theo Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh An Giang, Công ty phải thực hiện các thủ tục bàn giao liên quan đến các tài sản loại khỏi giá trị doanh nghiệp không đưa vào cổ phần hóa cho các Sở, ngành liên quan và Công ty Mua bán nợ Việt Nam theo quy định.

Công ty và các đơn vị liên quan phải thực hiện lập biên bản bàn giao tài sản trên đất và diện tích đất theo Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Phà An Giang.

**PHẦN V:  
PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN,  
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
SAU CỔ PHẦN HÓA**

**I. TÊN CÔNG TY CỔ PHẦN**

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG
- Tên tiếng Anh : AN GIANG FERRY JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : PHÀ AN GIANG
- Trụ sở chính : Số 360 Lý Thái Tổ, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0296.3846379 - 3841919
- Fax : 02963.842723
- E-mail : congtyphaangiang@gmail.com

**II. VỐN ĐIỀU LỆ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**

**1. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ**

**1.1. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần:**

Căn cứ Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt vốn điều lệ sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang, vốn điều lệ Công ty cổ phần Phà An Giang dự kiến như sau:

Vốn điều lệ : 167.520.000.000 đồng

(Một trăm sáu mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi triệu đồng)

**1.2. Số lượng cổ phần, Cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu:**

a) Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng.

b) Số lượng cổ phần : 16.752.000 cổ phần.

Tất cả cổ phần của PHÀ AN GIANG tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

c) Cơ cấu sở hữu cổ phần trong tổng vốn điều lệ dự kiến như sau:

Căn cứ Quyết định số 2234/QĐ-UBND ngày 16/09/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/04/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc lộ trình sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tỉnh An Giang



giai đoạn 2017 - 2020, Công ty TNHH MTV Phà An Giang thực hiện cổ phần hóa với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 31/12/2018, tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ là 64% vốn điều lệ.

Cơ cấu sở hữu cổ phần trong tổng vốn điều lệ dự kiến như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ
1	Nhà nước	10.721.280	107.212.800.000	64,00%
2	Cổ đông CBCNV mua ưu đãi	729.200	7.292.000.000	4,35%
2.1	- Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước	729.200	7.292.000.000	4,35%
2.2	- Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần	0	0	0,00%
3	Công đoàn Công ty	10.000	100.000.000	0,06%
4	Nhà đầu tư chiến lược	0	0	0,00%
5	Nhà đầu tư mua cổ phần thông qua đấu giá	5.291.520	52.915.200.000	31,59%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.752.000</b>	<b>167.520.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Trường hợp không bán hết cổ phần thì được xử lý theo quy định của Nhà nước (Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính có liên quan).

## 2. Ngành nghề kinh doanh dự kiến

Công ty cổ phần Phà An Giang dự kiến giữ nguyên các ngành nghề kinh doanh như trước khi cổ phần hóa.

## 3. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Công ty Cổ phần Phà An Giang hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;



- Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc;
- Các Phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

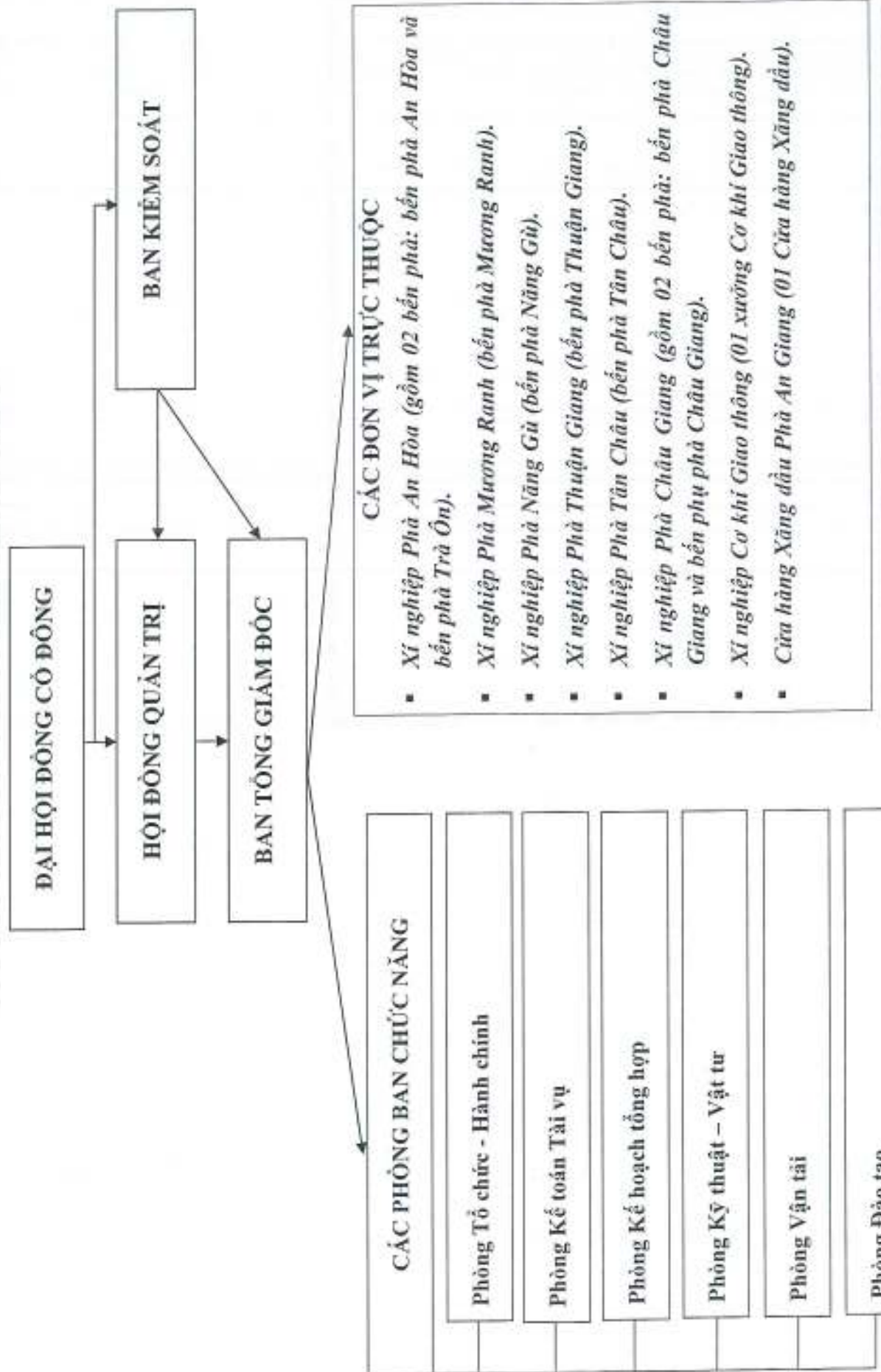
**Các phòng chức năng:**

- + Phòng Tổ chức - Hành chính;
- + Phòng Kế toán Tài vụ;
- + Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
- + Phòng Kỹ thuật - Vật tư;
- + Phòng Vận tải;
- + Phòng Đào tạo.

**Các đơn vị trực thuộc:**

- + Xí nghiệp Phà An Hòa (gồm 02 bến phà: bến phà An Hòa và bến phà Trà Ôn).
- + Xí nghiệp Phà Mương Ranh (bến phà Mương Ranh).
- + Xí nghiệp Phà Năng Gù (bến phà Năng Gù).
- + Xí nghiệp Phà Thuận Giang (bến phà Thuận Giang).
- + Xí nghiệp Phà Tân Châu (bến phà Tân Châu).
- + Xí nghiệp Phà Châu Giang (gồm 02 bến phà: bến phà Châu Giang và bến phụ phà Châu Giang).
- + Xí nghiệp Cơ khí Giao thông (01 xưởng cơ khí giao thông).
- + Cửa hàng Xăng dầu Phà An Giang (01 cửa hàng xăng dầu).

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÀ AN GIANG**





#### 4. Định hướng phát triển sau cổ phần hóa

Sau khi chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển như sau:

- Tập trung vào ngành nghề chính của Công ty là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội và quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng giao thông đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại đơn vị; góp phần đảm bảo vấn đề an sinh xã hội, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp một cách toàn diện từ mô hình tổ chức, quản lý, nguồn nhân lực, ngành nghề hoạt động, chiến lược phát triển, nâng cao năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong thời kỳ mới; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phù hợp với lĩnh vực, ngành nghề hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty sẽ chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ từng bước ổn định với loại hình hoạt động và quyết định thời điểm thích hợp để thực hiện các kế hoạch đầu tư, cụ thể:

- Đầu tư nâng cấp các bến hiện hữu, đóng mới và nâng cấp phương tiện để đảm bảo năng lực phục vụ ứng với tốc độ tăng sản lượng hành khách qua phà.

- Đầu tư nâng cấp nhà xưởng, thiết bị của Xí nghiệp Cơ khí để phục vụ các công trình đóng mới, sửa chữa, nâng cấp các phương tiện và hệ thống ponton cầu dẫn.

#### ❖ Kế hoạch hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2024

##### ▪ Giai đoạn 2020 – 2022:

- Hoàn tất công tác cơ cấu, sắp xếp lao động khối trực tiếp và thực hiện cơ cấu lại khối gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, đảm bảo phục vụ an toàn, nhanh chóng; tác phong phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa.

- Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng nhằm thực sự chủ động trong trả lương, trả thưởng gắn với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, qua đó thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc.

- Tiếp tục thực hiện đầu tư nâng cấp các phương tiện phà, hệ thống ponton cầu dẫn trong toàn Công ty.

- Trong năm 2020, dự kiến hoàn thành Dự án nâng cấp ponton, cầu dẫn cho Bến phà Năng Gù; hoàn thành Dự án ĐTXD Bến phà Tân Châu – Hồng Ngự (bờ Tân Châu).

- Trong năm 2021, dự kiến hoàn thành Dự án ĐTXD Bến Mương Ranh (bờ Châu Thành); Dự án nâng cấp Bến phà Trà Ôn thành bến ponton, cầu dẫn.

▪ **Giai đoạn 2023 – 2024:**

- Tiếp tục phát huy ưu thế và sức mạnh của Công ty trong lĩnh vực vận chuyển phà, tập trung các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông trong tỉnh, nâng cấp phương tiện, bến bãi, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân trong và ngoài tỉnh đồng thời giảm gánh nặng cho ngân sách tỉnh trong công tác đầu tư phát triển giao thông, góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh nhà.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị trực thuộc, rà soát, đánh giá cụ thể về các khoản chi phí trong quá trình hoạt động, nhằm xây dựng phương án khoán chi phí hoạt động cho từng đơn vị trực thuộc.

- Hợp tác, liên kết với các đối tác có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và vận chuyển hành khách, hàng hóa. Dự kiến trong năm 2023 đầu tư mở rộng quy mô hoạt động, thành lập mới 01 bến phà dọc theo hệ thống sông Hậu hoặc sông Tiền (liên huyện hoặc liên tỉnh) theo tiêu chuẩn cấp bến phà (bến ponton - cầu dẫn).

- Đối với hoạt động của Xí nghiệp Cơ khí Giao thông: Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề của công nhân. Xây dựng và cập nhật định mức theo thực tế; đầu tư mở rộng mặt bằng, bến bãi, tìm kiếm nguồn khách hàng từ bên ngoài, đặt mục tiêu đến hết năm 2024 Xí nghiệp Cơ khí Giao thông sẽ hoạt động theo mô hình hạch toán độc lập.

**5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa**

**5.2 Dự kiến Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn sau cổ phần hóa**

Căn cứ theo Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, kế hoạch sản xuất hoạt động kinh doanh 05 năm sau cổ phần hóa của Phà An Giang giai đoạn 2020 – 2024 dự kiến như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>183.100</b>	<b>185.183</b>	<b>188.246</b>	<b>202.196</b>	<b>206.833</b>
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.100	183.183	186.846	200.846	206.133
2	Doanh thu hoạt động tài chính	2.500	1.500	1.200	1.000	400
3	Thu nhập khác	500	500	200	350	300
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>182.400</b>	<b>183.200</b>	<b>186.200</b>	<b>199.700</b>	<b>203.800</b>
1	Giá vốn hàng bán	165.535	166.051	168.855	182.199	185.894



STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
2	Chi phí hoạt động tài chính	2.767	2.731	2.840	2.897	2.608
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.060	14.368	14.500	14.613	15.342
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận:</b>					
1	Lợi nhuận trước thuế	700	2.000	2.000	2.500	3.000
2	Thuế TNDN	140	400	400	500	600
3	Lợi nhuận sau thuế	560	1.600	1.600	2.000	2.400
<b>IV</b>	<b>Phân chia lợi nhuận và trích lập quỹ (**)</b>					
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH (%)	0,3%	1,0%	1,0%	1,2%	1,4%
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	280	800	800	1.000	1.200
3	Trích quỹ khen thưởng BDH	28	80	80	100	200
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	56	160	160	200	240
5	Chia cổ tức	196	560	560	700	840
6	Tỷ lệ chi trả Cổ tức (%)	0,12%	0,33%	0,33%	0,42%	0,50%
<b>V</b>	<b>Vốn điều lệ dự kiến</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>	<b>167.520</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đây là số liệu dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2020. Trong đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty cổ phần được tính từ thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần (cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần) đến ngày 31/12/2020; thời gian trước đó là kết quả kinh doanh của Công ty TNHH MTV Phà An Giang (doanh nghiệp nhà nước).

(\*\*) Về việc phân phối lợi nhuận từ năm 2020 đến năm 2024: Đây là mức trích lập quỹ và chi trả cổ tức dự kiến, có thể bị thay đổi theo kết quả kinh doanh thực tế và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần. Riêng năm 2020, mức trích lập quỹ và chi trả cổ tức có thể thấp hơn do công ty cổ phần không hoạt động đủ năm tài chính.

### **5.3 Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 – 2024**

Để thực hiện các chỉ tiêu trên, Công ty sẽ tiến hành đồng bộ các giải pháp sau:

- Hoàn tất công tác cơ cấu, sắp xếp lại lao động khối trực tiếp và thực hiện cơ cấu lại khối gián tiếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả; thực hiện các giải pháp đồng bộ để nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, hàng hóa đảm bảo an toàn, nhanh chóng, phục vụ văn minh - ứng xử văn hóa;

- Đổi mới cơ chế quản lý tiền lương, tiền thưởng nhằm thực sự chủ động trong việc trả lương, trả thưởng gắn liền với năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và người lao động, qua đó thu hút lao động có trình độ cao vào làm việc.

### **5.4 Về phát triển nguồn nhân lực**

#### **a) Chính sách tuyển dụng:**

Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển.

#### **b) Chính sách đào tạo:**

Có kế hoạch đào tạo hằng năm, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như quản lý nhất là cán bộ trẻ, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng động sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm nhằm đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động quản lý và SXKD.

Chú trọng việc nâng cao trình độ người lao động, năng lực làm việc: có chế độ cử CBCNV cam kết làm việc lâu dài cho Công ty khi tham gia các khóa học, tập huấn chuyên ngành phù hợp lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty.

### **5.5 Về quản lý tài chính**

Sau cổ phần hóa, để có đủ nguồn vốn thực hiện các dự án và đảm bảo việc cạnh tranh với các doanh nghiệp có quy mô khác trong ngành, Công ty đề ra các định hướng sau:

- Thực hiện tốt việc tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhằm nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường và thu hút vốn đầu tư của các cổ đông khi có kế hoạch phát hành tăng vốn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, công nợ phải thu phải trả, khả năng tài trợ từ nguồn tín dụng thương mại, kiểm soát chặt chẽ nguồn phải thu nhằm đảm bảo vòng quay vốn lưu động.



## PHẦN VI THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### I. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

#### 1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo quy định tại Điều 6 và Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP).

#### 2. Phương thức chào bán

##### 2.1 Cổ phần bán cho CBCNV

Gồm 2 hình thức chi tiết như sau:

##### 2.1.1. Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (thời điểm 31/12/2018) là: 588 người;

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 588 người;

- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: 7.292 năm.

- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là 729.200 cổ phần với tổng mệnh giá là 7.292.000.000 đồng, chiếm 4,35% vốn điều lệ công ty cổ phần.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt, việc bán cổ phần cho CBCNV phải hoàn tất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).

- Giá bán: Được xác định bằng 60% giá trị một cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần) là **6.000 đồng/cổ phần**.

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 42 Nghị định 126/2017/NĐ-CP: **"Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi"**.

##### 2.1.2. Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Công ty không có CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này.

## 2.2 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Căn cứ theo Công văn số 11/CV-CĐCS ngày 18/03/2020 của Công đoàn cơ sở Công ty TNHH MTV Phà An Giang, Tổ chức Công đoàn của Công ty TNHH MTV Phà An Giang đăng ký mua 10.000 cổ phần.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho Tổ chức công đoàn: Sau khi phương án cổ phần hóa được phê duyệt, việc bán cổ phần cho CBCNV phải hoàn tất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư tham gia cuộc bán đấu giá công khai (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP).

Giá bán được xác định bằng mệnh giá là **10.000 đồng/ cổ phần**.

Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng **không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm** kể từ thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.

## 2.3 Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

Không có.

## 2.4 Cổ phần bán đấu giá công khai ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá 5.291.520 phần với tổng mệnh giá là 52.915.200.000 đồng, chiếm 31,59% vốn điều lệ công ty cổ phần, cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.

- Giá khởi điểm: **16.720 đồng/cổ phần**.

- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 9/2020.

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân (bao gồm cả người lao động trong Công ty được tham gia mua đấu giá), nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài hiện nay căn cứ theo khoản 2, Điều 11 Thông tư số 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/8/2015, khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, điểm c Khoản 3 Điều 22 Luật Đầu tư 2014. Sau khi rà soát ngành nghề, lĩnh vực đầu tư kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Phà An Giang thì các ngành nghề: *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Đóng tàu và cấu kiện nổi, Vận tải hành khách đường thủy nội địa, Giáo dục nghề nghiệp, Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, Bán buôn kim loại và quặng kim loại, Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê* là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư,



tuy nhiên không quy định cụ thể tỷ lệ hạn chế nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Phà An Giang được xác định là 49% vốn điều lệ. Vì vậy, nhà đầu tư nước ngoài được tham gia mua cổ phần trong đợt đấu giá này.

### **3. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán**

- Đối với nhà đầu tư mua thông qua đấu giá: theo quy định tại **“Quy chế đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Phà An Giang”**.

- Đối với cán bộ công nhân viên và tổ chức công đoàn Công ty: Sau khi tổ chức bán đấu giá công khai.

## **II. LOẠI CỔ PHẦN VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH**

### **1. Loại cổ phần**

- Tất cả cổ phần của Công ty TNHH MTV Phà An Giang tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông.

- Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **2. Phương thức phát hành**

Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá công khai tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh trước và bán cổ phần với giá ưu đãi cho cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn được thực hiện sau tại doanh nghiệp, theo danh sách đã được phê duyệt.

## **III. KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA VÀ CHI PHÍ CỔ PHẦN HÓA**

### **1. Chi phí cổ phần hóa**

Căn cứ quy định tại Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Điều 14 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018.

Căn cứ Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 23/07/2019 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phà An Giang là **2.256.386.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu đồng, ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

Chi phí cổ phần hóa của Công ty sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

**2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa:**

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và mục III Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch thu tiền từ cổ phần hóa và nộp vào Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp, chi tiết như sau (tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm 16.720 đồng/ cổ phần và giá đấu bình quân là 16.720 đồng/cổ phần, giá bán ưu đãi cho người lao động theo thâm niên làm việc trong KVNN là 6.000 đồng/cổ phần, giá bán cho Công đoàn Công ty là 10.000 đồng/cổ phần):

Đơn vị tính: đồng

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	167.520.000.000
2	Giá trị sổ sách phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2018 (Sau khi xử lý tài chính)	(b)	167.520.634.467
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		4.375.200.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước (Giá bán 6.000 đồng/ CP)		4.375.200.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần (Giá bán: 16.720 đồng/ CP)		0
3.2	Thu từ bán cho Công đoàn Công ty (Giá bán: 10.000 đồng/ CP)		100.000.000
3.3	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		0
3.4	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài (Giá bán: 16.720 đồng/ CP)		88.474.214.400
4	Giá trị mệnh giá cổ phần phát	(e) = 0	0



TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
	hành thêm để lại DN	CP*10.000	
5	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	(f)	2.256.386.000
6	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư (từ nguồn tiền bán cổ phần)	(g)	898.928.130
7	Phần thặng dư của số cổ phần phát hành thêm	TD	0
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	$(h) = [TD - (f) - (g)] \times [(e)/(a)]$	0
<b>Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp</b>			<b>89.794.100.270</b>

Công ty sẽ thực hiện chuyển tiền thu được từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài theo trình tự như sau:

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền của nhà đầu tư mua qua đấu giá công khai: Công ty được chuyển tiền thu từ bán cổ phần tương ứng kinh phí giải quyết chính sách lao động dôi dư và chi phí cổ phần hóa theo dự toán đã xác định theo phương án cổ phần hóa này và Sở Giao dịch Chứng khoán chuyển toàn bộ số tiền còn lại về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền đối với các trường hợp bán thỏa thuận, bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn và người lao động thì Doanh nghiệp chuyển toàn bộ số tiền thu được về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ thời điểm cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Doanh nghiệp tự xác định số tiền phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định 126/2017/NĐ-CP Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại Điều 39 của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và mục III Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ Tài chính.

#### **IV. KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Căn cứ khoản 8 Điều 7 Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018: "a) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ văn bản gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và



Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo giá thanh toán bình quân kèm theo danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá đã được thanh toán. Danh sách người sở hữu cổ phần trúng đấu giá phải có đầy đủ thông tin về họ tên, số đăng ký sở hữu, địa chỉ, tài khoản lưu ký, số lượng cổ phần sở hữu. Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm cấp mã giao dịch cổ phần cho doanh nghiệp cổ phần hóa trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp tại Đơn đăng ký đấu giá bán cổ phần (theo phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này).

b) Căn cứ thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá. Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên trên hệ thống giao dịch UpCoM được xác định trên cơ sở giá đấu thành công bình quân của cuộc đấu giá công khai.

c) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trước thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trúng đấu giá, doanh nghiệp cổ phần hóa có văn bản thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phần vào giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp cổ phần hóa.

d) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, trong thời hạn tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu, doanh nghiệp cổ phần hóa phải nộp hồ sơ niêm yết cho Sở giao dịch chứng khoán để thực hiện niêm yết theo quy định và thông báo kết quả bán cổ phần lần đầu cho Ủy ban chứng khoán nhà nước.”

Sau khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty TNHH MTV Phà An Giang sẽ thực hiện hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch/ niêm yết bổ sung trên thị trường chứng khoán theo quy định.

## V. PHÂN TÍCH CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

### 1. Rủi ro về kinh tế

Năm 2019, nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại khi phải đối mặt với nhiều thách thức, rủi ro mang tính vĩ mô. Theo đó, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, hay các sự kiện xung đột vũ trang đang ngày càng leo thang giữa Mỹ và Iran đã khiến cho đầu tư và thương mại thế giới giảm. Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), 70% các nền kinh tế trên thế giới, trong đó hầu hết là các nước phát triển, đều rơi vào tình trạng tăng trưởng chậm lại. Mặc dù vậy, GDP Việt Nam tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6% đến 6,8%. Trong khi đó, kim ngạch xuất nhập khẩu lần đầu tiên vượt ngưỡng 500 tỷ USD. CPI bình quân

năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018, mức tăng bình quân thấp nhất trong 3 năm qua. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm dần, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực và mức thu nhập trung bình của người lao động có xu hướng tăng.

Từ đầu năm 2020, dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) xuất hiện và bùng phát mạnh trên toàn cầu. Ngày 12/3/2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã công bố Covid-19 là đại dịch toàn cầu. Để hạn chế sự lây lan của dịch Covid-19 và giảm quá tải cho hệ thống y tế, hàng loạt các nước trên thế giới đã đóng cửa biên giới, thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội (đóng cửa trường học, đóng cửa các dịch vụ không thiết yếu, người dân được khuyến khích làm việc ở nhà...). Các biện pháp này đã tác động cực kỳ xấu đến tăng trưởng kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, làm tăng nguy cơ thiếu hụt nguyên vật liệu sản xuất. Thị trường xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các ngành hàng không, du lịch, dịch vụ... bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính phủ các nước đều đang có các biện pháp về tiền tệ lẫn tài khóa để hỗ trợ nền kinh tế, đặc biệt là người dân và các ngành chịu ảnh hưởng nặng nề từ Covid-19.

Các biến động của nền kinh tế vĩ mô nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng có tác động trực tiếp (hoặc gián) tiếp đến Công ty TNHH MTV Phà An Giang, khi mà đơn vị là một pháp nhân đang thực hiện hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã liên tục ghi nhận mức tăng trưởng cao trong khu vực, tuy nhiên trong dài hạn, các biến động vĩ mô và rủi ro hệ thống sẽ có sự tác động ngày càng lớn hơn đối với tăng trưởng GDP không chỉ của Việt Nam, mà còn đối với các nước khác trong khu vực. Theo đó, Dịch bệnh gần đây càng làm ảnh hưởng lớn đến du lịch, hoạt động sản xuất có thể trì trệ, người dân hạn chế đi lại rất nhiều,.... vấn đề này sẽ có tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, cũng như các kế hoạch dài hạn về mở rộng của Công ty trong thời gian tới.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,...). Các Luật này sẽ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp



tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

### **3. Rủi ro đặc thù**

#### **❖ *Rủi ro về thời tiết***

Công ty TNHH MTV Phà An Giang hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách đường thủy nội địa nên luôn chịu ảnh hưởng bởi các biến động và thay đổi của điều kiện thời tiết. Theo đó, lưu lượng dòng chảy của sông Hậu trên thực tế có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động của các bến phà trực thuộc Công ty. Vào mùa nước lên, sông Hậu có nhiều đoạn mà dòng nước chảy xiết, gây nguy hiểm đến các hoạt động giao thông đường thủy như vận tải hành khách đường thủy nội địa. Do đó, phà vận chuyển hành khách trong những khoảng thời gian này có xu hướng hạn chế tốc độ lưu thông để đề phòng việc xảy ra các rủi ro liên quan đến tai nạn giao thông đường thủy, gây thất thoát và tổn hại về người và tài sản.

#### **❖ *Rủi ro về giá nhiên liệu***

Do xăng dầu đóng vai trò là nguyên vật liệu đầu vào chính cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, nên hiệu quả kinh doanh của Công ty có thể chịu sự ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến từ những sự biến động liên quan đến giá dầu trong nước và quốc tế. Vì giá nhiên liệu phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, cũng như các chính sách của Nhà nước, do đó Công ty chỉ có thể phản ứng được trước rủi ro này bằng cách điều chỉnh giá phí dịch vụ sao cho phù hợp với thị trường, nhưng việc này Công ty không tự quyết định được mà trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định là Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

#### **❖ *Rủi ro liên quan đến các tuyến cầu đường xây mới được đưa vào khai thác***

Giao thông tại các tỉnh đồng bằng sông nước miền Tây Nam Bộ từ lâu đã có sự lệ thuộc rất lớn vào hệ thống những bến đò, bến phà để qua sông. Chính điều này đã ít nhiều tạo nên những hạn chế và tiêu cực nhất định trong quá trình vận hành của các bến bãi. Theo đó, các dự án xây dựng những cây cầu bắc qua những con sông lớn để giải quyết tình trạng quá tải cho các bến phà, bến đò (đặc biệt là vào những dịp lễ, Tết) không chỉ là nguyện vọng của người dân, mà còn là mục tiêu tiên quyết đã được xác định từ năm 2010 trong kế hoạch phát triển giao thông đồng bằng sông Cửu Long của Bộ Giao thông Vận tải. Theo đó, hàng loạt những cây cầu lớn được khánh thành và đưa vào khai thác tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: cầu Cần Thơ, cầu Vàm Cống bắc qua sông Hậu, cầu Cái Lớn bắc qua sông Cái Lớn, cầu Cái Bé bắc qua sông Cái Bé, ... Các cây cầu được xúc tiến thực hiện, hoàn thành và đưa vào khai thác với mục đích chính nhằm: (i) tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế vùng; (ii) giúp giảm tải cho các tuyến đường Quốc lộ trọng điểm với mật độ lưu thông cao vào những dịp lễ, Tết; và (iii) tiết kiệm thời gian lưu thông của người dân các tỉnh miền Tây Nam Bộ đến TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh khác trong khu vực.

Tuy nhiên, chính điều này trên thực tế có thể tiềm ẩn, trở thành một loại rủi ro đối với các Doanh nghiệp/Đơn vị/Tổ chức hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực như vận chuyển hành khách đường thủy nội địa, kinh doanh dịch vụ xăng dầu cung cấp cho tàu, thuyền và quản lý, vận hành bến phà, bến đò. Cụ thể hơn, việc một cây cầu được đưa vào khai thác sẽ dẫn đến việc các bến đò, bến phà với cùng một tuyến đường lưu thông trong khu vực đó trở nên hoạt động kém hiệu quả, hoặc thậm chí phải đóng cửa/giải thể do vắng khách (hoặc có quyết định dừng hoạt động từ Bộ Giao thông Vận tải). Do đó, mặc dù trước mắt các bến phà dưới sự quản lý, vận hành của Công ty TNHH MTV Phà An Giang vẫn hoạt động ổn định, nhưng trong tương lai, trước chủ trương tối ưu hóa, tiết kiệm thời gian lưu thông, tạo sự thuận tiện trong phát triển kinh tế vùng và giao thương giữa các tỉnh miền Tây Nam Bộ với các tỉnh, khu vực khác thì các dự án xây dựng những cây cầu tại khu vực thuộc cùng tuyến hoạt động với các bến phà của Công ty là điều có thể xảy ra, qua đó, tạo nên rủi ro đối với hoạt động kinh doanh bình thường, ổn định của Công ty.

#### **4. Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với bối cảnh kinh tế thế giới bị ảnh hưởng từ dịch Covid-19, thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm mạnh so với năm 2019. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên thị trường có khá nhiều. Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty có thể sẽ gặp một số ảnh hưởng từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

#### **5. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trên, các rủi ro khác mang tính chất bất khả kháng, khó kiểm soát và không thể lường trước được như thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh,... có thể xảy ra, mặc dù không phổ biến, nhưng gây thiệt hại lớn đến hoạt động kinh doanh của Đơn vị. Dịch bệnh Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020 chính là một loại rủi ro bất khả kháng và khi xảy ra không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của con người mà còn ảnh hưởng hàng loạt đến nền kinh tế thế giới, kể cả các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Anh, Pháp, Đức...



**VI. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

**1. Đại diện Ban Chỉ đạo cổ phần hóa**

(Ông) **Lê Văn Nung**

Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang - Trưởng Ban Chỉ đạo

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập đã được Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thông qua.

**2. Đại diện Doanh nghiệp cổ phần hóa**

(Ông) **Phạm Châu Hà**

Chức vụ: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Phà An Giang - Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa - Tổ trưởng Tổ giúp việc

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế và đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH MTV Phà An Giang trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

**3. Đại diện đơn vị tư vấn - Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**

(Ông) **Dương Thế Quang**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Công bố thông tin này đã được Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH MTV Phà An Giang, tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH MTV Phà An Giang cung cấp nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2020

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**



TRƯỞNG BAN

LÊ VĂN NÙNG

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MTV PHÀ AN GIANG**



CHỦ TỊCH CÔNG TY

PHẠM CHÂU HÀ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á**



TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƯƠNG THẾ QUANG